

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/DS-ST

Ngày 28-6-2024

Về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Tân Dân

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang:
Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi T. P, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp K, xã L, thị xã Gò Công (nay là TP Gò Công), tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Nguyễn H. T, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

- Người làm chứng: Lưu T. N, sinh năm 19xx. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi T. P trình bày:*

Anh P và anh T có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau, vào tháng 3/20xx anh T mượn của anh số tiền 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) để làm ăn, xoay sở kinh tế trong gia đình và anh T cam kết đến ngày 20/3/20xx sẽ trả đủ số tiền mượn. Đến ngày 21/3/20xx anh T không liên hệ với anh để trả tiền nên

anh chủ động liên hệ gặp anh T nhiều lần đề yêu cầu trả nợ nhưng anh T cứ hẹn và cho đến khi anh T thường xuyên vắng mặt tại nhà và liên hệ bằng điện thoại cho anh T không được nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn H. T có nghĩa vụ trả cho anh số tiền 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực, không yêu cầu tính lãi.

** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn H. T vắng mặt không rõ lý do, tham dự phiên hòa giải, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả số tiền 1.600.000.000đ đã mượn, nguyên đơn có cung cấp giấy mượn tiền có chữ ký của bị đơn, đồng thời người làm chứng cũng đã xác nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã cho mượn, có cung cấp cho tòa án giấy mượn tiền nên xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng mượn tài sản" được xem xét, giải quyết theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh T vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Việc vắng mặt của anh T không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Anh P yêu cầu anh T trả số tiền mượn là 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, anh P có cung cấp “Giấy mượn tiền” ngày 08/3/20xx có chữ ký nhận nợ của anh T. Như đã nhận định trên, việc anh T không phản đối yêu cầu của anh P xem như anh T đã mặc nhiên thừa nhận những tình tiết mà anh P trình bày là có thật theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa, tại phiên tòa anh Nhiều là người làm chứng và cũng là bạn của anh P và anh T xác định, anh là người chở anh T đến nhà anh P mượn tiền, khi hai bên giao nhận tiền anh có chứng kiến. Như vậy, căn cứ vào

nội dung “Giấy mượn tiền” thể hiện ngày 08/3/20xx, anh T có mượn anh P số tiền 1.600.000.000 đồng, đến nay anh T vẫn chưa trả nên anh P kiện đòi là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P, buộc anh T phải có trách nhiệm trả khi án có hiệu lực.

[4] Về án phí: Yêu cầu của anh P được chấp nhận hoàn toàn nên anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 494, 496, 499, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi T. P.

Buộc anh Nguyễn H. T có nghĩa vụ trả cho anh Bùi T. P tổng số tiền là 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn H. T phải chịu 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Bùi T. P không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 0001566 ngày 04/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND H.Tân Phú Đông;
- CC.THADS H.Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Đặng Văn Lắm